TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16/5/2019
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phan Thùy Trang;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm,Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 31/2019/TLST – HN ngày 11/01/2019 về "*tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HN ngày 02 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1990; địa chỉ: số 731, tổ 4, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Dương Văn C, sinh năm 1987; địa chỉ: số 731, tổ 4, khóm V, phường N, thành phố D, tỉnh An Giang.

Bà H, ông C vắng mặt (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày: Sau thời gian quen biết, tìm hiểu bà và ông C đi đến hôn nhân vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Ngươn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 118/2009 cấp ngày 03/12/2009. Thời gian

chung sống đến năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông C thường xuyên rượu chè, có lời lẻ thô tục xúc phạm và đánh đập bà, nhiều lần bà có khuyên ngăn nhưng ông C không sửa chửa. Không thể tiếp tục chung sống được, bà yêu cầu được ly hôn ông C.

Tại biên bản ghi lời khai, ông Dương Văn C trình bày: Ông thống nhất với lời khai bà H về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân, quá trình chung sống, thời gian gần đây bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông đồng ý ly hôn do tình cảm không còn. Ông C xin vắng mặt không tham gia phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và không tham dự phiên tòa.

Về con chung: Bà H, ông C khai thống nhất trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Dương Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 09/6/2009 đang sống cùng ông C, bà H và ông C đều có yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông C khai không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ghi nhận ý kiến của cháu Dương Nguyễn Thảo Nh, cháu cho biết hiện cháu đang sống cùng ông C, ông C cũng chăm sóc cho cháu chu đáo và đầy đủ, cháu có nguyện vọng được sống với cha nếu cha mẹ cháu ly hôn, hiện nay mẹ cháu không sống cùng với cháu và ông C, đi đâu làm gì thì cháu không biết.

Ngày 28/3/2019 Tòa án đã thông báo cho ông C, bà H về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ thể hiện trong hồ sơ.

Ngày 19/4/2019 bà H có đơn đồng ý để ông C tiếp tục nuôi dạy con chung, bà không phải cấp dưỡng, xin vắng mặt không tham dự phiên tòa, cam kết giữ nguyên ý kiến đã trình bày không thay đổi.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông C vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Hội đồng xét xử công bố lời khai của bà H, ông C, ý kiến cháu Như; biên bản xác minh tình trạng cư trú, hôn nhân và điều kiện nuôi con.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại Điều 48 và Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về xét sử sơ thẩm vụ án.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự: Các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật và có yêu cầu xét xử vắng mặt thuộc trường hợp xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Kiểm sát viên tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông C chung sống có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống các bên đều thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn và vợ chồng sống ly thân từ đầu năm cho đến nay, ông C đồng ý ly hôn nhưng không tham gia hòa giải. Cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận.

Về con chung: Hiện nay ông C đang nuôi dạy con chung tên Dương Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 09/6/2009, bà H thống nhất để ông C nuôi dạy, cháu như có nguyện vọng sống với ông C là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị công nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông C, ông C đang cư trú tại số 731, tổ 4, khóm Vĩnh Chánh 1, phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà H, ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và có yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Bà H và ông C tự tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, Giấy chứng nhận kết hôn số 118/2009, ngày 03/12/2009 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Bà H yêu cầu xin ly hôn với ông C, với nguyên nhân trong quá trình chung sống ông C thường xuyên rượu chè, có lời lẽ thô tục xúc phạm và đánh đập bà, nhiều lần bà H khuyên ngăn nhưng ông C không từ bỏ. Phía ông C thì cho rằng bà H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh;

Tuy nhiên, kết quả xác minh ngày 28/3/2019 tại địa phương cho biết bà H và ông C chung sống với nhau hơn 10 năm, bà H làm dâu nhà ông C, cả hai đều có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 731, tổ 4, khóm Vĩnh Chánh 1, phường Vĩnh Nguơn, thành phố Châu Đốc, thời gian gần đây vợ chồng phát mâu thuẫn, luôn cự cãi nhau, bà H đã đi làm ăn xa từ trước tết nguyên đán cho đến nay không về thăm nhà. Cho thấy vợ chồng bà H, ông C không còn quan tâm đến nhau, không muốn hàn gắn tình cảm, cả hai đều đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có nghĩa vụ phải yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, chung sống với nhau với nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng theo các bên trình bày trên, cho thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H, bà H được ly hôn với ông C.

[2] Về con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng*:*

Bà H và ông C có lời khai thống nhất trong thời gian chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Dương Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 09/6/2009 hiện ông C đang nuôi dạy; bà H đồng ý để ông C tiếp tục nuôi dạy là phù hợp với nguyện vọng của cháu Như, kết quả xác minh tại địa phương từ ngày bà H đi, con chung do ông C nuôi dạy, cha mẹ ông C có hỗ trợ cho ông C chăm sóc cháu Như, ông C có việc làm ổn định, đủ điều kiện nuôi con.

Xét chấp nhận ông C được tiếp tục nuôi dạy con chung, ông C không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Ông Dương Văn C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Bé H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H, ông C khai thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà H chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định, nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Ông C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 22 7, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé H.

Bà Nguyễn Thị Bé H được ly hôn với ông Dương Văn C.

Về con chung: Ông Dương Văn C được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Dương Nguyễn Thảo Nh, sinh ngày 09/6/2009 cho đến tuổi thành niên, bà Nguyễn Thị Bé H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Dương Văn C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Bé H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bé H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2016/0007781 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Ông Dương Văn C không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại nơi cư trú, bà H và ông C có quyền kháng cáo để Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nơi nhận:
- Viện KSND TP (2);
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS TP (1);

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).
- UBND phường Vĩnh Ngươn (1).

Phạm Thị Bích Thủy